

Số: 06 /KL-TTR

An Giang, ngày 26 tháng 6 năm 2024

### KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra chuyên đề việc phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục tại Sở Giáo dục và Đào tạo và việc thực hiện chính sách pháp luật về tài chính kế toán tại một số trường trực thuộc

Thực hiện Quyết định số 03/QĐ-TTr ngày 03/4/2024 của Chánh thanh tra Sở Tài chính về việc thanh tra chuyên đề việc phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục tại Sở Giáo dục và Đào tạo và việc thực hiện chính sách pháp luật về tài chính, kế toán tại một số trường trực thuộc. Đoàn Thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT An Giang, Trường THPT Nguyễn Trung Trực từ ngày 11/4/2024 đến ngày 20/5/2024.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 06 /BC-ĐTT ngày 24/6/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh Thanh tra Sở Tài chính kết luận thanh tra như sau:

### PHẦN A. KHÁI QUÁT CHUNG

Sở Giáo dục và Đào tạo được thành lập theo Quyết định số 315/QĐ-UB.TC ngày 07/12/1990 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang về việc đổi tên Sở Giáo dục thành Sở Giáo dục và Đào tạo. Là cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh An Giang, có chức năng tham mưu, giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của UBND tỉnh; chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của UBND tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Về cơ cấu tổ chức: Sở Giáo dục và Đào tạo được UBND tỉnh giao biên chế năm 2023 là 61 người, biên chế có mặt năm 2023 là 59 người. Tổng số phòng thuộc Sở là 08 phòng: Văn phòng, Thanh tra, Tổ chức cán bộ, Chính trị tư tưởng, Khảo thí và kiểm định chất lượng giáo dục, Giáo dục mầm non và Giáo dục tiểu học, Giáo dục trung học và giáo dục thường xuyên, Kế hoạch - Tài chính.

Tổng số đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo là 52 đơn vị gồm Trường Trẻ em khuyết tật; 08 trường trung học THCS và THPT, 42 trường THPT và Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh. Trong tổng số các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, có 02 trường THPT chuyên: Trường THPT chuyên Thoại Ngọc Hầu (Thành phố Long Xuyên) và Trường THPT chuyên Thủ Khoa

Nghĩa (Thành phố Châu Đốc) và 01 trường THPT chuyên biệt là Trường Phổ thông dân tộc nội trú THPT An Giang.

## PHẦN B. KẾT QUẢ THANH TRA

### I. VỀ PHÂN BỐ KINH PHÍ TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

#### 1. Về phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục

Trong năm 2023, UBND tỉnh giao dự toán thu chi ngân sách cho Sở Giáo dục và Đào tạo (bao gồm dự toán đầu năm và dự toán bổ sung) số tiền là 786.721.900.000 đồng gồm dự toán thu dịch vụ giáo dục học phí là 102.903.000.000 đồng, dự toán chi quản lý hành chính và sự nghiệp giáo dục 683.818.900.000 đồng, trong đó dự toán chi quản lý hành chính là 10.787.900.000 đồng, dự toán chi sự nghiệp kể cả Chương trình mục tiêu quốc gia là 673.031.000.000 đồng.

Sở Giáo dục và Đào tạo phân bổ cho các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo 57.508.900.000 đồng, gồm: kinh phí quản lý nhà nước 10.787.900.000 đồng, kinh phí sự nghiệp 46.721.000.000 đồng tại các quyết định giao dự toán cho Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo: Quyết định số 2599/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2022, Quyết định số 2630/QĐ-SGDĐT ngày 30/12/2022, Quyết định số 623/QĐ-SGDĐT ngày 24/5/2023, Quyết định số 624/QĐ-SGDĐT ngày 24/5/2023, Quyết định số 1421/QĐ-SGDĐT ngày 27/9/2023.

- Phân bổ kinh phí sự nghiệp cho các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo 626.310.000.000 đồng tại các quyết định: Quyết định số 2599/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2022, Quyết định số 1704/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2023, Quyết định số 1493/QĐ-SGDĐT ngày 03/10/2023, Quyết định số 1934/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Về giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2023: Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc đúng quyết định giao dự toán của UBND tỉnh về tổng mức và chi tiết, đúng thời gian theo quy định tại Điều 5 “Thời gian phân bổ, giao dự toán” Thông tư số 78/2022/TT-BTC ngày 26/12/2022 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2023 (Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc trước ngày 31/12/2022; giao dự toán bổ sung cho các đơn vị trực thuộc trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày được giao dự toán bổ sung).

Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán thu dịch vụ giáo dục (học phí) năm 2023 cho các trường là 102.903.000.000 đồng theo mức thu quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh An Giang. Tuy nhiên, theo quy định tại

Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023, đối với cơ sở giáo dục chưa tự đảm bảo chi thường xuyên giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 bằng mức thu học phí của năm học 2021-2022 do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương, do đó năm 2023 các trường vẫn thu học phí theo quy định tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND tỉnh quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình đại trà năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh An Giang. Số thu dịch vụ học phí năm 2023 là 28.401.287.965 đồng/102.903.000.000, chỉ đạt 27,6% so với dự toán giao.

- Về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên:

Đơn vị phân bổ dự toán thu, chi NSNN cơ bản theo quy định, đối với phân bổ kinh phí cho đối tượng hợp đồng công việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ theo mức lương tối thiểu vùng (ngoài định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND) theo chủ trương của UBND tỉnh tại báo cáo số 757/BC-UBND ngày 15/11/2022 về đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2022 và dự toán NSNN năm 2023.

Tuy nhiên, qua kiểm tra việc phân bổ dự toán chi thường xuyên đầu năm cho các đơn vị trực thuộc, nhận thấy Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán kinh phí sự nghiệp giáo dục cao hơn định mức quy định tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh An Giang năm 2022 (quy định tính khoản chi con người 81% đối với các khoản phụ cấp như phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề), Sở Giáo dục và Đào tạo tính khoản chi con người theo tỷ lệ 81%, đối với các khoản phụ cấp, cộng thêm phụ cấp trách nhiệm, độc hại, ưu đãi, phụ cấp tổng phụ trách đội không đúng quy định của Nghị quyết 18/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, dẫn đến dự toán giao chi hoạt động 19% năm 2023 cho các trường cao hơn định mức quy định, số tạm xác định là 19.732.000.000 đồng.

- Về điều chỉnh dự toán trong năm 2023 của các Trường THPT Ba Chúc và Trường THCS và THPT Cô Tô:

Sở Giáo dục và Đào tạo điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2023 giữa Trường THPT Ba Chúc và Trường THCS và THPT Cô Tô để chi trợ cấp lần đầu cho cán bộ công chức viên chức đang công tác tại trường trước năm 2017 tại Quyết định số 571/QĐ-SGDĐT ngày 16/5/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo, giảm dự toán chi NSNN trường THPT Ba Chúc 323.000.000 đồng, tăng dự toán chi NSNN trường THCS và THPT Cô Tô 323.000.000 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

Theo Tờ trình số 1151/SGDĐT-KHTC ngày 05/4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc chi trả trợ cấp lần đầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THPT Ba Chúc và Trường THCS và THPT Cô Tô. Theo đó, Trường

THPT Ba Chúc thuộc nhóm An Bình, thôn đặc biệt khó khăn 1 thị trấn Ba Chúc huyện Tri Tôn và trường THCS và THPT Cô Tô thuộc ấp Sóc Triết, thôn đặc biệt khó khăn 3 xã Cô Tô huyện Tri Tôn được phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Năm 2017, Trường THPT Ba Chúc và THCS và THPT Cô Tô đã chi trả trợ cấp lần đầu cho cán bộ công chức đến công tác tại Trường theo quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 8/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Tuy nhiên, đối với các đối tượng đang công tác tại trường trước năm 2017 trường chưa chi trả trợ cấp lần đầu.

Sau khi có ý kiến về điều chỉnh dự toán và nguồn kinh phí thực hiện chi trả của Sở Tài chính tại Công văn số 995/STC-HCSN ngày 13/4/2023 và ý kiến của Sở Nội vụ đối tượng được hưởng tại Công văn số 831/SNV-CCVC ngày 12/5/2023 về việc trợ cấp lần đầu theo Nghị định số 76/2019/NĐ-CP, Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định điều chỉnh dự toán như đã nêu trên. (tổng số tiền chi trợ cấp lần đầu (136 đối tượng) số tiền 1.654.800.000 đồng, gồm Trường THPT Ba Chúc (70 người) là 856.200.000 đồng, Trường THCS và THPT Cô Tô (66 người) là 798.600.000 đồng).

Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, thời điểm này chế độ chi trợ cấp lần đầu thực hiện theo quy định tại Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ (Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có hiệu lực thi hành từ ngày 01/12/2019). Những đối tượng đang công tác tại Thị trấn Ba Chúc và xã Cô Tô trước ngày Quyết định số 582/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành, thời điểm trước năm 2017 thị trấn Ba Chúc và xã Cô Tô không được công nhận là xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Căn cứ Công văn số 2285/BNV-TL ngày 31/5/2022 của Bộ Nội vụ trả lời cho UBND tỉnh Cao Bằng và Cục Tổ chức cán bộ - Bộ Công an về việc trợ cấp lần đầu như sau “Tại Điều 6 Nghị định số 76/2019/NĐ-CP quy định trợ cấp lần đầu được áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 nghị định này khi nhận công tác lần đầu ở cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và chỉ nhận một lần trong quá trình công tác. Theo đó, không áp dụng trợ cấp lần đầu đối với cán bộ công chức, viên chức người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang ở địa bàn không thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, sau đó địa bàn đang công tác được cấp có thẩm quyền quy định là vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn”

Do đó, việc chi trả truy lĩnh trợ cấp lần đầu cho các đối tượng đang công tác tại Trường THPT Ba Chúc và Trường THCS và THPT Cô Tô trước năm 2017 là chưa phù hợp với Công văn số 2285/BNV-TL ngày 31/5/2022 của Bộ Nội vụ. Theo giải trình của Sở Giáo dục và Đào tạo thời điểm chi trả, Sở Giáo dục và Đào tạo không biết Công văn số 2285/BNV-TL ngày 31/5/2022 của Bộ Nội vụ.

## **II. TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ THPT AN GIANG**

### **1. Thanh tra việc lập, giao dự toán thu, chi NSNN**

Đơn vị lập dự toán thu dịch vụ căn tin 126.000.000 đồng, dự toán chi không thường xuyên NSNN 9.210.752.080 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Trường lập dự toán chi thường xuyên năm 2023 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2315/SGDĐT-KHTC ngày 25/7/2022 về việc thực hiện dự toán NSNN năm 2022 và lập dự toán chi NSNN năm 2023, tuy nhiên biểu mẫu 3a và 8a, hướng dẫn thiếu lập dự toán chi từ nguồn thu và cột xây dựng dự toán năm 2023 là chưa đảm bảo theo các nội dung lập dự toán quy định tại biểu mẫu số 12.5 “Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục - dùng cho đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên báo cáo cơ quan cấp trên” quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN. Đối với khoản chi không thường xuyên về chế độ cho học sinh dân tộc nội trú từ nguồn ngân sách, Trường lập dự toán chi đúng chế độ định mức, có thuyết minh cơ sở tính toán.

- Về giao dự toán: Đơn vị được Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán năm 2023 tại các quyết định: Quyết định số 2599/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2022 giao dự toán thu, chi ngân sách 18.384.000.000 đồng; Quyết định số 1704/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2023 về việc bổ sung dự toán năm 2023 do điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 là 427.000.000 đồng; Quyết định số 1934/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2023 về việc bổ sung dự toán năm 2023 cho Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT An Giang số tiền 384.000.000 đồng để chi học bổng và Bảo hiểm y tế (BHYT).

Theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh, quy định định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục, khoản chi con người 81% gồm tiền lương, phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề, các khoản đóng góp, để tính chi hoạt động giảng dạy và học tập 19%. Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán chi thường xuyên năm 2023 cho đơn vị, trong đó tính khoản chi con người (81%) bao gồm phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp ưu đãi không đúng quy định tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND, từ đó dẫn đến số giao dự toán chi hoạt động giảng dạy và học tập 19% cao hơn quy định là 527.619.132 đồng.

**2. Thanh tra việc thực hiện dự toán chi NSNN; thu, chi từ nguồn thu (kèm Biểu số 01.DTNT/NS, 02.DTNT/nguồn thu )**

**2.1. Dự toán chi NSNN cấp**

**a. Kinh phí thường xuyên**

Kinh phí năm trước chuyển sang 81.327.028 đồng, dự toán giao đầu năm là 9.003.000.000 đồng, kinh phí được sử dụng 9.084.327.028 đồng, kinh phí quyết toán 8.777.566.642 đồng (giảm so với báo cáo 53.770.160 đồng)

Qua thanh tra nhận thấy:

Trường chi hoạt động thường xuyên cơ bản theo quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định của nhà nước, tuy nhiên có một số khoản chi chưa đúng quy định, số tiền 53.770.160 đồng đồng gồm các nội dung chi sau:

- Chi 20% phụ cấp ưu đãi trên mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cho nhân viên y tế từ nguồn NSNN năm 2023 là 11.206.160 đồng, không đúng quy định về sử dụng nguồn kinh phí chi phụ cấp ưu đãi cho nhân viên y tế tại các trường học phải chi từ nguồn thu được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ.

- Thanh toán tiền xe theo từng đợt học cho 1 trường hợp giáo viên học lớp Trung cấp chính trị hệ tập trung A90 tại Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, chưa đúng theo quy định về chi hỗ trợ chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập chỉ một lượt đi và về; nghỉ lễ, nghỉ tết theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của HĐND tỉnh, số tiền đã chi vượt 1.110.000 đồng .

- Đơn vị thanh toán chi phụ cấp trách nhiệm cấp ủy số tiền 41.454.000 đồng chưa đúng quy định sử dụng nguồn kinh phí tại Điều 4 “Nguồn kinh phí hoạt động của tổ chức đảng” tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở (bao gồm cân đối từ nguồn thu)

**b. Kinh phí không thường xuyên:** kinh phí chi sinh hoạt hè, chi học bổng, học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú.

- Học bổng học sinh, học phẩm: Dự toán giao 9.211.000.000 đồng, dự toán bổ sung năm 2023 (sau ngày 30/9) 384.000.000 đồng, kinh phí được sử dụng 9.595.000.000 đồng, kinh phí quyết toán 9.065.462.336 đồng (giảm so với số báo là 292.126.373 đồng), dự toán bị hủy 134.873.435 đồng, kinh phí chuyển sang năm sau sử dụng và quyết toán 384.000.000 đồng.

- Sinh hoạt hè: Dự toán được giao trong năm 5.000.000 đồng, kinh phí được sử dụng 5.000.000 đồng, kinh phí quyết toán 4.727.600 đồng, dự toán bị hủy 272.400 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

Đơn vị chi các chế độ học bổng, học phẩm cho học sinh theo đúng nội dung quy định Thông tư số 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT ngày 29/5/2009 của Liên Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc, chi sinh hoạt hè trong phạm vi kinh phí được giao. Tuy nhiên, đơn vị chi một số nội dung không đúng quy định số tiền **128.126.373 đồng**, cụ thể như sau:

- Chi quyết toán tiền điện nước học sinh nội trú vào các tháng hè 7, 8 học sinh đã nghỉ hè từ nguồn kinh phí không thường xuyên là 52.602.144 đồng.

- Đơn vị thu lại tiền điện, nước nhà công vụ và căn tin năm 2023 theo đơn giá thu điện, nước chưa có thuế giá trị gia tăng là không đúng với hóa đơn thu tiền điện, nước. Số tiền chênh lệch thu tiền điện nước phải thu bổ sung là 10.664.229 đồng.

- Chi tham dự các kỳ thi, hội thi văn hóa, ca nhạc, thể dục thể thao ngoài nhà trường 64.860.000 đồng, sử dụng nguồn kinh phí không thường xuyên là không phù hợp với quy định tại khoản 9 Điều 2 Thông tư số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT và khoản 2, 3 Điều 14 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông dân tộc nội trú.

Ngoài ra, trong năm 2023, trích tiền học bổng học sinh 164.000.000 đồng để chi ôn thi tốt nghiệp THPT theo biên bản họp thường trực Ban đại diện cha mẹ học sinh và giao tiền cho Ban Đại diện cha mẹ học sinh quản lý số tiền thu ôn thi THPT là sai nguyên tắc quản lý tài chính vì đây là nguồn kinh phí của Trường.

**\* Về tổ chức đấu thầu mua sắm học phẩm phát cho học sinh:**

Đơn vị mua tập 200 trang phát cho học sinh theo chế độ định mức quy định, số tiền là 195.200.040 đồng (mua tập phát cho học sinh 02 lần gồm học kỳ I năm học 2023-2024 là 98.782.400 đồng, học kỳ II năm học 2023-2024 là 96.418.000 đồng), đơn vị thực hiện mua 02 lần trong năm học và lựa chọn nhà thầu theo quy trình chỉ định thầu rút gọn là không đúng quy định tại Điều 18, 19 Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính. Gói thầu may ba lô cho học sinh số tiền 91.260.000 đồng, đơn vị tổ chức đấu thầu theo quy trình chỉ định thầu rút gọn, trình tự thủ tục cơ bản theo quy định. Gói thầu mua tập và ba lô phát cho học sinh chưa công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH ngày 26/11/2013.

**\* Về tổ chức chi học bổng và tiền ăn của học sinh, việc công khai công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh như sau:**

Hàng tháng, Trường lập danh sách chi học bổng, học sinh ký nhận và Trường thanh toán với Kho bạc nhà nước. Tuy nhiên, do Trường tổ chức bếp ăn cho học sinh nội trú và thu tiền ăn từ tiền học bổng của học sinh (mức thu tiền ăn thống nhất với phụ huynh học sinh), do đó Trường tạm thời chuyển từ tài khoản dự toán qua tài khoản tiền gửi mở tại Ngân hàng (tài khoản

70210000366045) và từ tài khoản tiền gửi 70210000366045, trường trích một phần chuyển qua tài khoản tiền gửi nhà ăn 70210000336376 của Trường để tổ chức nấu ăn cho học sinh. Cuối tháng, sau khi trừ tiền ăn học sinh đã đăng ký, trường chuyển tiền học bổng còn lại cho học sinh.

Học bổng học sinh là nguồn kinh phí do NSNN cấp, không phải là nguồn thu dịch vụ, Trường chuyển qua tài khoản tiền gửi tại ngân hàng là không đúng quy định chỉ nguồn thu mới được mở tài khoản tại ngân hàng quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập quy định “Đơn vị sự nghiệp công được mở tài khoản tại ngân hàng thương mại đối với các khoản thu từ hoạt động sự nghiệp, hoạt động kinh doanh, dịch vụ”.

Thời điểm chi tiền học bổng cho học sinh (sau khi trừ tiền ăn), không kịp thời (học bổng tháng 1/2023 chi ngày 7/2/2023, học bổng tháng 2/2023 chi ngày 1/3/2023...). Tiền ăn của học sinh ghi nhận trên sổ tiền mặt tồn đến ngày 31/12/2023 và tiền gửi tồn đến ngày 5/1/2024 là 30.646.776 đồng. Trong năm 2023, Trường chưa sử dụng số tiền còn dư hàng tháng để chi buổi ăn ngon cho học sinh như theo biên bản thỏa thuận với phụ huynh học sinh.

Về công khai công tác chăm sóc, nuôi dưỡng học sinh dân tộc nội trú: Theo báo cáo của Trường, hàng tháng Trường có lập bảng tổng hợp chi trả tiền nhà ăn và công khai theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tuy nhiên trường chưa lập biên bản công khai.

## **2.2. Thanh tra việc thực hiện dự toán chi từ nguồn thu**

### **a. Thu cho thuê mặt bằng căn tin**

Số chênh lệch thu, chi chưa phân phối năm trước chuyển sang 106.445.862 đồng (điều chỉnh tăng 104.600 đồng do đơn vị hạch toán nhằm chi âm lãi tiền gửi qua nguồn thu cho thuê mặt bằng căn tin), số thu trong năm 217.000.000 đồng, số nộp thuế giá trị gia tăng khoán 5% trên doanh thu là 10.850.000 đồng, số thu được sử dụng 206.150.000 đồng (không tính số thu chưa phân phối năm trước chuyển sang) chi phí 147.793.000 đồng (chênh lệch giảm 352.000 đồng do giảm chi phí dịch vụ ngân hàng hạch toán qua nguồn thu lãi tiền gửi ngân hàng), nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 10.500.000 đồng, số chênh lệch thu chi năm 2023 là 47.507.000 đồng (giảm 352.000 đồng), trích 40% nguồn cải cách tiền lương (CCTL) 19.002.800 đồng, trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 28.504.200 đồng, trích lập quỹ phát triển hoạt động từ số chênh lệch thu chi năm 2022 là 106.445.862 đồng (tổng cộng trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp là 134.950.062 đồng).

Qua thanh tra nhận thấy:

- Về Đề án cho thuê tài sản công: Trường lập Đề án cho thuê tài sản công số 318/ĐA-DTNT ngày 18/12/2018 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 10/7/2019. Theo đó, tại điểm a mục 2 phần II nêu thời gian thực hiện cho thuê là từ 15/8/2018 đến 30/6/2020. Tuy nhiên, đến hết thời



gian thực hiện cho thuê vào ngày 30/6/2020, đơn vị chưa báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để trình UBND tỉnh điều chỉnh thời gian thực hiện Đề án là chưa phù hợp.

- Về tổ chức đấu giá tài sản:

Đơn vị tự tổ chức đấu giá cho thuê mặt bằng căn tin theo quy định tại Luật Đấu giá tài sản, tuy nhiên tổ chức đấu giá khi chưa thực hiện thủ tục lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là không đúng với quy định Điều 56 của Luật Đấu giá tài; không có văn bản xác định giá khởi điểm đấu giá để cho thuê căn tin là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 8 của Luật Đấu giá tài sản và khoản 4 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Thông báo số 296/TB-DTNT ngày 25/7/2022 của Trường Phổ thông Dân tộc nội trú THPT An Giang về tổ chức đấu thầu dịch vụ căn tin, trong đó không quy định mức tiền đặt trước là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Đấu giá tài sản.

Theo Thông báo số 296/TB-DTNT thời gian kết thúc nhận hồ sơ đấu giá 16 giờ 30 phút ngày 02/8/2022, tuy nhiên đến ngày 12/8/2022 đơn vị mới mở hồ sơ đấu giá là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 38 của Luật đấu giá. Đơn vị chưa thông báo công khai kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản trên trang thông tin điện tử của Trường và Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản là chưa đúng quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2023 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản; Thông báo trúng đấu giá không nêu rõ tổ chức cá nhân trúng đấu giá.

- Về thực hiện hợp đồng cho thuê: Đơn vị ký hợp đồng cho thuê số 375/HĐ-DTNT ngày 25/8/2022 với ông Trần Tuấn Anh, với giá cho thuê 45.000.000 đồng/tháng, thời gian thực hiện hợp đồng là 03 năm từ 25/8/2022 đến 30/5/2025. Tại khoản 2.1 Điều 2 quy định về phí dịch vụ: Bên B trả cho bên A mức thuê 45.000.000 đồng/tháng (chỉ tính 8 tháng/năm) là chưa đúng với thời gian cho thuê trong 01 năm là 09 tháng theo Thông báo số 296/TB-DTNT ngày 25/7/2022.

- Ngày 24/10/2022, Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú và Ông Trần Anh Tuấn lập Phụ lục hợp đồng số 468/PLHĐ-DTNT trong đó giảm giá dịch vụ cho thuê còn 31.000.000 đồng và thực hiện từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2023. Từ tháng 12/2023 đến hết tháng 5/2024 trường giảm tiếp còn 25.000.000 đồng/tháng (bằng giá khởi điểm). Việc xem xét giảm giá cho thuê đều được Trường tổ chức họp Hội đồng cốt cán, Ban Chấp hành Đảng ủy nhà trường, Ban lãnh đạo nhà trường. Trường có Thông báo số 449/TB-DTNT ngày 02/12/2023 về việc giảm giá dịch vụ thuê mặt bằng căn tin từ 31.000.000 đồng còn 25.000.000 đồng từ tháng 12/2023 đến tháng 02/2024, Thông báo số 142/TB-DTNT ngày 30/3/2024 giảm giá cho thuê căn tin từ 31.000.000 đồng còn 25.000.000 đồng trong 03 tháng từ tháng 3/2024 đến hết tháng 5/2024.

Việc Trường lập phụ lục Hợp đồng số 468/PLHĐ-DTNT giảm giá từ 45.000.000 đồng còn 31.000.000 đồng; giảm giá từ 31.000.000 đồng còn 25.000.000 đồng (không có phụ lục hợp đồng) là không đúng quy định tại Điều

486 Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định “Giá thuê khoán do các bên thỏa thuận; nếu thuê khoán thông qua đấu thầu thì giá thuê khoán là giá được xác định theo kết quả đấu thầu” và khoản 4 Điều 46 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP quy định “Giá cho thuê tài sản được xác định là giá trúng đấu giá trong trường hợp cho thuê theo hình thức đấu giá...”

Đoàn thanh tra xác định số tiền chênh lệch giảm giá của Trường cho người trúng đấu giá so với giá trúng đấu giá từ tháng 10/2022 đến hết 12/2022; từ tháng 1/2023 đến hết tháng 12/2023 (kể cả số thu tháng 12/2023 vào thời điểm tháng 1/2024) là 205.000.000 đồng (chưa tính số thu giảm từ tháng 01 đến tháng 5 năm 2024 là 100.000.000 đồng (20.000.000 đồng x 5 tháng)).

Về tiền thuê đất cho thuê mặt bằng căn tin: Trường hạch toán tài khoản kế toán các khoản phải nộp khác là 202.000.000 đồng (năm 2022 là 93.500.000 đồng, năm 2023 là 108.500.000 đồng), Đoàn thanh tra tạm xác định tiền thuê đất năm 2022, 2023 phải nộp theo Đề án được duyệt là 138.240.000 đồng (69.120.000 đồng/năm x 2 năm).

#### **b. Thu thi nghề phổ thông**

Số dư năm trước chuyển sang 0 đồng, số thu trong năm 7.550.000 đồng, nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo 1.510.000 đồng, số được sử dụng 6.040.000 đồng số chi quyết toán 5.889.000 đồng, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) 151.000 đồng, chuyển sang năm sau 0 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

Trường thu, chi nguồn thu thi nghề phổ thông theo đúng quy định tại Công văn số 4659/SGDDĐT-KHTC ngày 28/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chế độ, định mức đóng góp, mức chi kỳ thi Nghề phổ thông năm học 2023-2024.

#### **c. Thu chăm sóc sức khỏe ban đầu**

Số dư năm trước chuyển sang 10.567.669 đồng, số thu trong năm 25.351.629 đồng, số được sử dụng 35.919.298 đồng, số chi quyết toán 5.060.000 đồng, số chuyển sang năm sau 30.859.298 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy: Trong tổng số chi quyết toán theo báo cáo của đơn vị, chi mua thuốc 5.060.000 đồng sơ cứu cho học sinh theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 34 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT.

#### **d. Thu lãi tiền gửi ngân hàng**

\* *Lãi tiền gửi từ nguồn thu dịch vụ căn tin:*

Số dư năm trước chuyển sang -104.600 đồng, số thu trong năm 1.003.400 đồng, số thu được sử dụng 898.800 đồng, số chi quyết toán chi phí dịch vụ ngân hàng 352.000 đồng (chênh lệch so với báo cáo 250.040 đồng), số nộp thuế

TNDN 20.068 đồng, số chênh lệch thu chi 526.732 đồng trích 40% nguồn CCTL là 210.693 đồng, số trích lập quỹ 316.039 đồng.

\* *Lãi tiền gửi từ nguồn chăm sóc sức khỏe ban đầu*: số thu năm 2023 là 3.385 đồng, số được sử dụng 3.385 đồng, số chi 0 đồng, số chuyển sang năm sau 3.385 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy: Đoàn thanh tra xác định lại và điều chỉnh số dư đầu năm -104.600 đồng từ nguồn thu cho thuê căn tin do hạch toán nhầm chuyển qua số dư của nguồn thu lãi tiền gửi ngân hàng. Theo số báo cáo của đơn vị trong tổng số chi lãi tiền gửi ngân hàng từ nguồn thu dịch vụ căn tin 602.040 đồng, gồm chi thuê đất 501.700 đồng và trích khấu 10% là 100.340 đồng không có cơ sở quy định. Đoàn thanh tra xác định chi từ nguồn thu lãi tiền gửi ngân hàng là chi phí dịch vụ ngân hàng là 352.000 đồng, điều chỉnh từ số đơn vị đã hạch toán chi từ nguồn thu cho thuê mặt bằng căn tin (chênh lệch 250.040 đồng), xác định thuế 2% TNDN phải nộp 20.068 đồng (chênh lệch giảm 30.102 đồng), giảm số nộp thuế GTGT -50.170, trích nguồn CCTL 210.693 đồng (chênh lệch tăng 90.285 đồng), trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 316.039 (chênh lệch tăng 135.427 đồng).

**d. Thu hộ chi hộ:** Theo báo cáo của đơn vị, trong năm đơn vị có liên kết với Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh mở lớp bồi dưỡng tiếng Khmer căn bản 04 kỹ năng cho công an tỉnh Đồng Tháp, hạch toán thu hộ chi hộ 100.700.000 đồng, trong đó Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh trích lại khấu hao cơ sở vật chất cho Trường là 3.000.000 đồng, và Trường đã lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

### **2.3. Việc trích lập và sử dụng nguồn CCTL năm 2023 (Biểu số 03.DTNT/NCCTL)**

Số dư đầu kỳ 133.440.000 đồng, nguồn CCTL trong năm 611.213.493 đồng (chênh lệch tăng 231.085 đồng), nguồn CCTL được sử dụng 744.653.493 đồng, số chi CCTL theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP: 698.424.911 đồng, nguồn CCTL chuyển sang năm sau: 46.228.582 đồng (chênh lệch tăng 4.806.174 đồng); chi tiết theo nguồn:

- Nguồn NSNN:

Số dư đầu kỳ: 111.000.000 đồng, nguồn CCTL trong năm 592.000.000 đồng (nguồn tiết kiệm 10% dự toán giao đầu năm 165.000.000 đồng, dự toán bổ sung trong năm 427.000.000 đồng), nguồn CCTL được sử dụng 703.000.000 đồng, số chi nguồn CCTL theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP là 698.424.911 đồng (chênh lệch giảm 4.575.089 đồng), nguồn CCTL chuyển sang năm sau 4.575.089 đồng (chênh lệch giảm 4.575.089 đồng).

- Nguồn thu:

Số dư đầu kỳ 22.440.000 đồng, trích lập nguồn CCTL 19.213.493 đồng (chênh lệch tăng 231.085 đồng, trong đó nguồn thu cho thuê mặt bằng căn tin 140.800 đồng, lãi tiền gửi ngân hàng 90.285 đồng), nguồn CCTL được sử dụng

41.653.493 đồng, số chi nguồn CCTL 0 đồng, nguồn CCTL chuyển sang năm sau 41.653.493 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

Đối với trích lập nguồn CCTL: nguồn thu dịch vụ trích lập nguồn CCTL xác định lại chi phí; tiền lãi ngân hàng xác định lại chi phí phí theo quy định và thuế suất TNDN xác định lại là 2% dẫn đến nguồn CCTL cao hơn so với báo cáo 231.085 đồng.

Số chi nguồn CCTL thực hiện Nghị định số 24/2023/NĐ-CP theo danh sách chi thực tế của Trường giảm 4.575.089 đồng so với dự toán được cấp.

### **3. Thanh tra việc trích lập và sử dụng các quỹ (Biểu 04.DTNT/Các quỹ)**

Số dư đầu kỳ 0 đồng, số trích lập các quỹ 160.192.601 đồng (nguồn thu dịch vụ cho thuê mặt bằng năm trước chuyển sang 106.445.862 đồng từ số chênh lệch thu chi trong năm 2023 là 28.504.200 đồng, từ lãi tiền gửi 316.039 đồng, từ số trích khấu hao 10% nguồn thu căn tin, giữ xe là 21.700.000 đồng, khấu hao cơ sở vật chất thi nghề 226.500 đồng, khấu hao cơ sở vật chất từ nguồn thu hộ chi hộ 3.000.000 đồng), số được sử dụng 160.192.601 đồng, số chi 0 đồng, số dư cuối kỳ 160.192.601 đồng, chênh lệch so với đơn vị đề nghị là 8.075.687 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

Đoàn thanh tra xác định lại chi phí từ nguồn thu dịch vụ cho thuê mặt bằng căn tin, nguồn thu lãi tiền gửi ngân hàng, xác định lại chi phí các nguồn và phân phối hết số chênh lệch thu chi để trích lập quỹ dẫn đến số trích lập quỹ cao hơn số báo cáo 8.075.687 đồng.

### **4. Thanh tra chấp hành pháp luật về kế toán**

Đơn vị sử dụng phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp (HCSN) để thực hiện công tác kế toán tại đơn vị. Đơn vị có lập báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính theo từng nguồn kinh phí, mở sổ sách kế toán, chứng từ kế toán, hạch toán kế toán cơ bản theo quy định của chế độ kế toán HCSN ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC, tuy nhiên còn hạn chế như: chưa lập báo cáo tổng hợp; thiếu biểu thuyết minh báo cáo quyết toán; chưa mở sổ nguồn thu khác (mẫu S106 -H) số chi tiết Tài khoản 431 trích lập và sử dụng các quỹ); hạch toán chưa đầy đủ các nghiệp vụ kế toán phát sinh trong năm như: rút dự toán chi hoạt động tại Kho bạc nhà nước chuyển sang tài khoản tiền gửi mở tại ngân hàng để chi trả tiền lương, nghiệp vụ tăng tài sản do mua sắm bộ máy vi tính, trích hao mòn tài sản, các khoản chi phí dịch vụ; một số chứng từ kế toán sai sót như thiếu ghi ngày tháng năm, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng mua sắm căn cứ hợp đồng năm 2022, hợp đồng may ba lô cho học sinh ký trước ngày thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu là không phù hợp thời gian.

### **5. Thanh tra xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ**

Đơn vị xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ giai đoạn 2023 -2025 và ban hành tại Quyết định số 320/QĐ-DTNT ngày 06/09/2023, đảm bảo theo trình tự thủ tục quy định, nội dung quy chế quy định chế độ định mức cơ bản theo quy định, niêm yết công khai tại đơn vị. Đơn vị thực hiện chi cơ bản theo quy chế chi tiêu nội bộ. Tuy nhiên nội dung quy chế còn hạn chế như: quy định nộp thuế TNDN 5% là chưa đúng quy định tại điểm a, b khoản 5 điều 11 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP, quy định về cơ cấu chi cho thuê căn tin - bãi giữ xe chưa đúng theo quy định tại Điều 46 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; quy định chi hỗ trợ kinh phí hoạt động của tổ chức Đảng chưa cân đối từ nguồn thu theo tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2022 của Ban Chấp hành Trung ương quy định nguồn kinh phí chi hoạt động công tác Đảng. Chưa lập biên bản công khai niêm yết Quy chế chi tiêu nội bộ.

#### **6. Việc thực hiện công khai tài chính**

Qua thanh tra nhận thấy, đơn vị thực hiện công khai cơ bản theo quy định của Thông tư số 61/2017/TT-BTC, tuy nhiên chưa công khai thực hiện dự toán thu - chi năm 2023 và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán NSNN, công khai thực hiện dự toán quý IV trễ 20 ngày, chưa có biên bản niêm yết công khai; báo cáo công khai thực hiện dự toán thu - chi 06 tháng, ngày ký bảng công khai là 10/4/2023 không phù hợp về thời gian. Tại thời điểm thanh tra đơn vị chưa được Sở Giáo dục và Đào tạo phê duyệt quyết toán năm 2023.

#### **7. Việc xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công và công tác quản lý, sử dụng tài sản**

Trường ban hành Quy chế quản lý tài sản tại Quyết định số 421/QĐ-DTNT ngày 31/12/2020; cuối năm có tổ chức kiểm kê tài sản, tính hao mòn tài sản, mở sổ sách theo dõi tài sản, tuy nhiên cũng còn hạn chế như: Quy chế chưa được thảo luận và chưa công khai trong đơn vị; Quy chế chưa quy định đầy đủ các nội dung theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 144/2017/TT-BTC, thiếu quy định mẫu báo cáo kê khai trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; chưa cập nhật lại giá trị quyền sử dụng đất trên sổ theo Văn bản điều chỉnh giá trị QSDĐ do đơn vị lập ngày 26/7/2021 là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 104 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP (giá trị QSDĐ trên sổ sách kế toán là 9.991.700.000 đồng, giá trị quyền sử dụng đất điều chỉnh lại là 242.410.589.000 đồng); không lập bảng tính hao mòn tài sản cố định theo mẫu C55-HD quy định tại Thông tư số 107/2017/TT-BTC, không thể hiện số liệu hao mòn tài sản cố định phát sinh trong năm 2023 trên bảng cân đối số phát sinh; số liệu về tổng nguyên giá tài sản chưa khớp với tổng nguyên giá tài sản trên bảng cân đối số phát sinh (trên bảng cân đối số phát sinh ghi nguyên giá tài sản là 2.686.647.682 đồng, khấu hao và hao mòn lũy kế là 11.757.177.594 đồng) là không phù hợp.

#### **8. Thanh tra việc tổ chức thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP)**

Đơn vị báo cáo kết quả THPT, CLP theo đúng quy định của Thông tư số 188/2014/TT-BTC; báo cáo đánh giá chấm điểm THPT, CLP trong chi thường xuyên theo quy định Thông tư số 129/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

### III. TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

#### 1. Thanh tra việc lập, giao dự toán thu, chi NSNN

Đơn vị lập dự toán thu sự nghiệp, dịch vụ gồm học phí, cho thuê căn tin, giữ xe, dạy thêm học thêm 5.646.420.000 đồng. Dự toán chi không thường xuyên NSNN kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập 1.003.950.000 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Trường lập dự toán chi thường xuyên năm 2023 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 2315/SGDDĐT-KHTC ngày 25/7/2022 về việc thực hiện dự toán NSNN năm 2022 và lập dự toán chi NSNN năm 2023, tuy nhiên biểu mẫu 3a và 8a hướng dẫn thiếu số liệu lập dự toán chi từ nguồn thu và cột xây dựng dự toán năm 2023 là chưa đảm bảo theo các nội dung lập dự toán quy định tại biểu mẫu số 12.4 “Dự toán thu, chi đơn vị sự nghiệp lĩnh vực giáo dục - dùng cho đơn vị sự nghiệp công do nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên báo cáo cơ quan cấp trên” quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN. Đối với khoản chi không thường xuyên về kinh phí cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, Trường lập dự toán chi đúng chế độ định mức, có thuyết minh cơ sở tính toán.

Trong năm 2023, Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán thu, chi ngân sách cho đơn vị tại các quyết định: Quyết định số 2599/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2022 giao dự toán NSNN năm 2023, dự toán thu dịch vụ giáo dục học phí là 2.381.000.000 đồng, nộp thuế 2% là 48.000.000 đồng; chi NSNN là 13.788.000.000 đồng; Quyết định số 1704/QĐ-SGDĐT ngày 21/11/2023 về việc bổ sung dự toán năm 2023 do điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 là 423.000.000 đồng; Quyết định số 1493/QĐ-SGDĐT ngày 03/10/2023 về việc điều chỉnh dự toán năm 2023 do chênh lệch giữa biên chế giao và biên chế tại thời điểm thảo luận dự toán năm 2023 số tiền -127.542.000 đồng.

Theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 8/12/2021 của HĐND tỉnh quy định định mức phân bổ dự toán chi sự nghiệp Giáo dục, khoản chi con người 81% gồm tiền lương, phụ cấp chức vụ, thâm niên vượt khung, thâm niên nghề, các khoản đóng góp, để tính chi hoạt động giảng dạy và học tập 19%. Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán chi thường xuyên năm 2023 cho đơn vị, trong đó tính khoản chi con người (81%) bao gồm phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp độc hại, phụ cấp ưu đãi không đúng quy định tại Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND, từ đó dẫn đến số giao dự toán chi hoạt động giảng dạy và học tập cao hơn quy định là 395.326.712 đồng.

## 2. Thanh tra việc thực hiện dự toán chi NSNN; thu, chi từ nguồn thu (kèm Biểu số 01.NTT/NS, 02.NTT/nguồn thu, 03.NTT/NCCTL)

### 2.1. Dự toán chi NSNN cấp

#### a. Kinh phí thường xuyên

Kinh phí năm trước chuyển sang 190.000.000 đồng, dự toán giao đầu năm là 12.529.000.000 đồng, dự toán điều chỉnh giảm -125.142.000 đồng, kinh phí được sử dụng 12.593.858.000 đồng, kinh phí quyết toán 11.948.799.120 đồng (chênh lệch giảm so với báo cáo 66.058.880 đồng), chênh lệch thu chi 682.293.730 đồng (trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp 68.229.373 đồng, trích lập quỹ phúc lợi 170.573.433 đồng, trích lập quỹ khen thưởng 34.114.687 đồng, chi thu nhập tăng thêm và trợ cấp nhân viên văn phòng 409.376.237 đồng), kinh phí chuyển sang năm sau 579.000.000 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy: Trong tổng số chi thường xuyên theo số liệu báo cáo quyết toán của đơn vị 12.593.858.000 đồng, đơn vị chi thường xuyên, chi trích lập các quỹ cơ bản theo quy định. Tuy nhiên, có một số khoản chi không đúng quy định, số tiền 66.058.880 đồng gồm các nội dung chi sau:

- Chi 20% phụ cấp ưu đãi trên mức lương ngạch, bậc hiện hưởng cho nhân viên y tế từ nguồn NSNN năm 2023 là 8.564.880 đồng, không đúng quy định về sử dụng nguồn kinh phí chi phụ cấp ưu đãi cho nhân viên y tế tại các trường học phải chi từ nguồn thu được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định 56/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với công chức, viên chức công tác tại các cơ sở y tế công lập.

- Thanh toán công tác phí tiền xe tự túc phương tiện đi công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị nhưng nơi đến công tác cách trụ sở cơ quan dưới 15 km, chưa đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 về chế độ công tác phí quy định tại Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của HĐND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang số tiền 996.000 đồng.

- Chi thanh toán khoản điện thoại công vụ tại nhà riêng cho cho Hiệu trưởng là 200.000 đồng/tháng và 03 Phó Hiệu trưởng là 100.000 đồng/tháng (03 Phó hiệu trưởng), từ tháng 01 đến tháng 08 năm 2023 là không đúng đối tượng và mức chi quy định tại Quyết định số 1161/2002/QĐ.UB ngày 14/5/2002 của UBND tỉnh, số tiền chi không đúng quy định là 3.200.000 đồng.

- Đơn vị thanh toán chi phụ cấp trách nhiệm cấp ủy số tiền 53.298.000 đồng: Đơn vị chưa rà soát cân đối khoản chi phụ cấp trách nhiệm cấp ủy chưa đúng theo quy định tại Điều 4 “Nguồn kinh phí hoạt động của tổ chức đảng” tại Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương quy định chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở.

**b. Chi không thường xuyên:** gồm các nội dung chi miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chi sinh hoạt hè.

b1. Chi miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

- Cấp bù miễn giảm học phí: Dự toán giao 198.000.000 đồng, kinh phí được sử dụng 198.000.000 đồng, kinh phí quyết toán 198.000.000 đồng (trong đó trích 40% nguồn CCTL) kinh phí chuyển sang năm sau 0 đồng.

- Hỗ trợ chi phí học tập: Dự toán giao 770.816.000 đồng, kinh phí được sử dụng 770.816.000 đồng, kinh phí quyết toán 770.100.000 đồng, dự toán bị hủy 716.000 đồng.

- Sinh hoạt hè: Dự toán giao 15.000.000 đồng, kinh phí được sử dụng 15.000.000 đồng, kinh phí quyết toán 15.000.000 đồng, kinh phí chuyển sang năm sau 0 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

Năm 2023, đơn vị chi hỗ chi phí học tập và cấp bù miễn giảm học phí gồm học kỳ II năm học 2021-2022 (học sinh khối 10), năm học 2022-2023. Các đối tượng được miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định đối tượng được hưởng và kinh phí chi trả.

- Về đối tượng, hồ sơ cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập:

Đối tượng và hồ sơ cấp bù miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 15, 16, 18, 19 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP /2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ. Tuy nhiên, còn hạn chế như sau:

+ Hồ sơ đề nghị miễn giảm đối tượng mồ côi cha mẹ, đơn đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, giấy khai tử của cha, mẹ học sinh, không có quyết định trợ cấp xã hội của UBND cấp huyện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP; 02 trường hợp học sinh chỉ có đơn không có hồ sơ kèm theo (Huỳnh Như ý 10A2, Néang Sóc Rương 10C6,); một số đơn của học sinh (lớp 11 A4) không ghi ngày, tháng, năm; ghi không rõ đối tượng; một số đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập kèm hồ sơ đối tượng ở thôn bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, hoặc hộ nghèo, cận nghèo nhưng đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập ghi đối tượng người khuyết tật.

+ Đối với việc nộp hồ sơ đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, nhà trường đề nghị học sinh làm 02 bộ hồ sơ vào học kỳ I và học kỳ II là chưa đúng theo quy định tại điểm d Điều 19 Mục 2 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, quy định chỉ làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập, đối với hộ nghèo, cận nghèo vào đầu mỗi học kỳ phải bổ sung giấy xác nhận hộ nghèo, cận nghèo để làm căn cứ xem xét miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho kỳ học tiếp theo.

- Về chi cấp bù miễn giảm học phí:

Trường sử dụng kinh phí cấp bù miễn giảm học phí 198.000.000 đồng chi 40% trên số cấp bù thực hiện CCTL theo mức lương cơ sở tại Nghị định số



24/2023/NĐ-CP là 79.200.000 đồng, chi thêm giờ buổi 118.800.000 đồng theo chế độ quy định tại Thông tư Liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập.

Quản lý nguồn thu cấp bù miễn giảm học phí: Đơn vị thanh toán trực tiếp với kho bạc nhà nước các khoản chi lương, thêm giờ buổi từ dự toán được giao, không rút kinh phí được cấp bù miễn giảm học phí chuyển về tài khoản thu học phí là chưa đúng quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 21 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định “Kinh phí NSNN cấp bù tiền, miễn giảm học phí cho cơ sở giáo dục công lập được chuyển và hạch toán vào tài khoản thu học phí của cơ sở này và được tự chủ sử dụng theo số lượng thực tế đối tượng được cấp bù và quy định hiện hành về chế độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập...”

- Về kinh phí Sở Giáo dục và Đào tạo cấp bù miễn giảm học phí cho đơn vị :

Sở Giáo dục và Đào tạo giao dự toán cấp bù miễn giảm học phí 198.000.000 đồng theo mức thu học phí quy định tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh quy định mức thu học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh An Giang, học phí cấp THPT tại các xã, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố 200.000 đồng/tháng/học sinh.

Tuy nhiên theo quy định tại Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023, quy định đối với cơ sở giáo dục chưa tự đảm bảo chi thường xuyên giữ ổn định mức thu học phí năm học 2022-2023 bằng mức thu học phí của năm học 2021-2022 do HĐND tỉnh đã ban hành áp dụng tại địa phương; Chủ trương của UBND tỉnh tại Công văn số 294/UBND-KGVX ngày 24/3/2023 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 165/NQ-CP ngày 20/12/2022 của Chính phủ về học phí đối với cơ sở giáo dục và đào tạo công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh An Giang, quy định đối với việc cấp bù miễn giảm học phí cho các cơ sở giáo dục công lập có đối tượng được miễn giảm học phí đã được cấp bù học phí tại Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND thì thực hiện giảm trừ chênh lệch giữa mức cũ theo Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND và mức thu học phí theo Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND trong năm học 2022-2023. Đoàn Thanh tra xác định số giảm trừ là 137.536.000 đồng.

b2. Về chi cho sinh hoạt hè 15.000.000 đồng: Qua kiểm tra nhận thấy, Trường có xây dựng kế hoạch tổ chức sinh hoạt hè cho học sinh và chi kinh phí chi sinh hoạt hè trong phạm vi dự toán được giao.

## **2.2. Thanh tra việc thực hiện dự toán thu, chi từ nguồn thu**

### **a. Thu dịch vụ học phí**

Số thu chưa phân phối năm trước chuyển sang 113.887.284 đồng, số thu trong năm 631.024.000 đồng, kinh phí quyết toán 66.010.000 đồng, số phải nộp

thuế TNDN là 12.620.480 đồng, chênh lệch thu chi sau khi nộp thuế TNDN 552.393.520 đồng, trích 40% nguồn CCTL 220.957.408 đồng, trích bổ sung nguồn CCTL năm 2022 là 29.329.200 đồng (tổng cộng trích nguồn CCTL 250.286.608 đồng), số chênh lệch thu, chi chưa phân phối 415.994.196 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

- Đơn vị thực hiện mức thu học phí đúng quy định tại Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19/8/2021 của HĐND tỉnh An Giang, thu bằng hóa đơn điện tử. Số quyết toán chi học phí chi hoạt động thường xuyên 66.010.000 đồng, tuy nhiên chi sửa chữa nhỏ trường lớp 49.800.000 đồng, không lập dự toán chi tiết khối lượng công việc bảo dưỡng sửa chữa không đúng quy định tại Điều 4 “Lập dự toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công” Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công. Thực hiện trích lập nguồn CCTL năm 2023 theo quy định, đồng thời trích lập bổ sung nguồn CCTL năm 2022 theo Công văn số 3468/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN năm 2022 trong quản lý tài chính của các đơn vị trực thuộc.

- Đơn vị chưa nộp thuế TNDN 2% là 12.620.480 đồng.

#### **b. Thu cho thuê mặt bằng căn tin- bãi giữ xe**

Số dư chưa phân phối năm trước chuyển sang 43.635.871 đồng, số thu trong năm 144.000.000 đồng, số thu được sử dụng 144.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng 5% khoán trên doanh thu phải nộp 7.200.000 đồng (chênh lệch so với báo cáo 7.200.000 đồng), số thu được sử dụng 136.800.000 đồng, chi phí 24.518.000 đồng, số phải nộp thuế TNDN 11.200.000 đồng (phải nộp bổ sung năm 2022 là 4.000.000 đồng, nộp thuế năm 2023 là 7.200.000 đồng) số chênh lệch thu chi 101.082.000 đồng, số trích 40% nguồn CCTL 40.432.800 đồng, trích bổ sung nguồn CCTL năm 2022 là 10.396.000 đồng (tổng số trích lập nguồn CCTL 50.828.800 đồng), số chênh lệch thu chi năm 2023 là 50.253.200 đồng, số chênh lệch thu chi năm 2022 chuyển sang 43.635.871, tổng số chênh lệch thu chi chuyển sang năm sau 93.889.071 đồng (chênh lệch giảm so với báo cáo -4.320.000 đồng).

Qua thanh tra nhận thấy:

Trường lập Đề án cho thuê tài sản công số 11/ĐA-THPT- NTT ngày 15/01/2019 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 10/7/2019. Trong năm 2023, đơn vị tổ chức đấu giá cho thuê mặt bằng căn tin – bãi giữ xe, có ban hành quyết định giá khởi điểm. Tuy nhiên, còn hạn chế như sau:

- Đơn vị thành lập Hội đồng để tổ chức thực hiện đấu giá khi chưa thực hiện thủ tục lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản là không đúng với quy định tại Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản

- Trường chưa thu tiền cho thuê mặt bằng căn tin và bãi giữ xe năm 2023 theo hợp đồng ký kết là 224.000.000 đồng.

- Về quản lý sử dụng nguồn thu: Trường thu dịch vụ cho thuê mặt bằng căn tin - giữ xe để tồn tiền mặt tại quỹ, không gửi vào tài khoản tại ngân hàng thương mại là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 23 về mở tài khoản giao dịch tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, chưa hạch toán chi nộp thuế giá trị gia tăng 7.200.000 đồng dẫn đến xác định số trích lập nguồn CCTL không chính xác.

- Đơn vị chưa nộp thuế, tiền thuê đất theo Đề án được duyệt vào NSNN số tiền 24.518.000 đồng (tiền thuê đất 6.118.000 đồng, chưa nộp thuế giá trị gia tăng và TNDN là 18.400.000 đồng, gồm: nộp thuế TNDN bổ sung năm 2022 là 4.000.000 đồng, nộp thuế TNDN và thuế giá trị gia tăng năm 2023 là 14.400.000 đồng)

### **c. Thu thi nghề phổ thông**

Số chênh lệch thu chi năm trước chuyển sang 0 đồng, số thu trong năm 19.435.000 đồng, nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo 3.887.000 đồng (chênh lệch tăng 2.000 đồng), số thu được sử dụng 15.548.000 đồng, số chi quyết toán 15.151.800 đồng (chênh lệch tăng khấu hao cơ sở vật chất 300 đồng), nộp thuế TNDN 388.700 đồng (chênh lệch tăng 200 đồng), số chênh lệch thu chi chuyển sang năm sau 7.500 đồng.

Qua thanh tra nhận thấy:

Trường thực hiện thi nghề phổ thông đúng quy định. Tuy nhiên, đơn vị chưa sử dụng hóa đơn dịch vụ để thu tiền của học sinh, quyết toán số chi nộp về Sở Giáo dục và Đào tạo, khấu hao cơ sở vật chất, nộp thuế TNDN chưa chính xác tuyệt đối theo tỷ lệ quy định như đã nêu trên.

### **d. Thu ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông và luyện thi đại học**

Số chênh lệch thu, chi năm trước chuyển sang 2.124.650 đồng, số thu trong năm 596.970.000 đồng, số được sử dụng 599.094.650 đồng, số chi quyết toán 533.559.285 đồng (chi tiền giảng dạy cho giáo viên 468.023.920 đồng, chi khấu hao cơ sở vật chất 29.848.500 đồng, chi quản lý 35.686.865 đồng), số thu chuyển sang năm sau 65.535.365 đồng

Qua thanh tra nhận thấy:

Trường thu ôn thi tốt nghiệp trung học phổ thông (TNTHPT) và luyện thi theo biên bản thỏa thuận với phụ huynh học sinh, mức thu 7.000 đồng/tiết. Trường chưa ban hành quyết định mức thu ôn thi TNTHPT và luyện thi đại học theo từng môn học, chưa lập biên lai thu tiền để thu học phí của học sinh, chỉ lập danh sách thu tiền là chưa đúng quy định về sử dụng biên lai thu tiền đối với các khoản thu sự nghiệp theo chế độ kế toán HCSN hiện hành.

Về chi ôn thi TNTHPT và luyện thi đại học: Theo báo cáo của Trường, nguồn thu ôn luyện thi đại học quản lý sử dụng như nguồn dạy thêm học thêm theo quy định tại Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về việc dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày

21/02/2013, trong đó 80% chi trả thù lao cho giáo viên trực tiếp dạy thêm, 20% chi quản lý, điện nước, sửa chữa cơ sở vật chất...” (theo quy chế Chi tiêu nội bộ chi cho giáo viên trực tiếp giảng dạy 80%, chi sửa chữa cơ sở vật chất, mua trang thiết bị giảng dạy, điện nước... 7%, chi công tác quản lý 13%).

Nguồn thu ôn thi TNTHPT thực hiện theo Công văn 2929/HD-SGDĐT ngày 09/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2022-2023, Công văn 4848/HD-SGDĐT ngày 12/12/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024, trong đó hướng dẫn sử dụng kinh phí ôn thi công tác ôn thi tốt nghiệp Trung học phổ thông chỉ chi phí cho giáo viên trực tiếp giảng dạy, không được chi cho công tác quản lý và các khoản chi khác.

Trường báo cáo quyết toán thu, chi nguồn thu ôn thi TNTHPT và luyện thi đại học chung, không tách riêng từng nguồn và chi ôn thi TNTHPT theo cơ chế dạy thêm học thêm là không đúng theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Đơn vị chi quản lý ôn thi tốt nghiệp và dạy thêm học thêm là 71.373.730 đồng, Đoàn xác định khoản chi quản lý dạy thêm học thêm 50% là 35.686.865 đồng, xác định chi khấu hao cơ sở vật chất dạy thêm học thêm 50% là 29.848.500 đồng trên tổng số chi, không trích số khấu hao cơ sở vật chất và khoản chi quản lý nguồn ôn thi TNTHPT là 65.535.365 đồng.

#### **đ. Thu dạy thêm, học thêm**

Số chênh lệch thu, chi năm trước chuyển sang 348.176.759 đồng, số thu trong năm 618.200.000 đồng, số được sử dụng 966.376.759 đồng, số chi quyết toán 662.540.792 đồng bao gồm số trích khấu hao năm 2022 là 58.186.000 đồng (giảm so với báo cáo 18.546.000 đồng số trích khấu hao cơ sở vật chất 7% theo quy chế chi tiêu nội bộ), số phải nộp thuế TNDN là 24.001.200 đồng, số chênh lệch thu chi là 279.834.767 đồng, số trích lập 40% nguồn CCTL là 111.933.907 đồng (tăng so với báo cáo do xác định bổ sung nguồn CCTL 111.933.907) số thu chuyển sang năm sau 167.900.860 đồng (chênh lệch giảm 93.387.907 đồng).

Qua thanh tra nhận thấy:

- Đơn vị thực hiện mức thu 7.000 đồng/tiết theo biên bản thỏa thuận với phụ huynh học sinh, tuy nhiên Trường chưa sử dụng biên lai thu tiền để thu học phí dạy thêm học thêm là chưa đúng theo quy định của chế độ kế toán HCSN quy định sử dụng biên lai thu tiền để thu các khoản thu sự nghiệp. Trong số tiền 618.200.000 đồng, giáo viên của Trường thu học phí dạy thêm, học thêm trực tiếp từ học sinh 4.500.000 đồng là chưa đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 21/02/2013 của UBND về việc ban hành Quy định về việc dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Đơn vị thực hiện chi dạy thêm học thêm cơ bản theo quy định tại Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 13/3/2014 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định về việc dạy thêm học thêm trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 04/2013/QĐ-UBND ngày 21/02/2013; tuy nhiên